

Hương ước trong làng xã đồng bằng Bắc Bộ nửa đầu thế kỷ XX

Vũ Duy Mền*
Trịnh Thị Hà**

Tóm tắt: Hương ước là một phần lệ làng được văn bản hóa, nó phản ánh một cách trung thực, cụ thể và sinh động một góc làng quê đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam với những quy định mang nét đặc trưng. Quy định của Hương ước về Giáp, hội Tư văn, hội Lão (các tổ chức xã hội ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam trong lịch sử) có vai trò quan trọng trong quản lý xã hội.

Từ khóa: Hương ước; tổ chức xã hội; đồng bằng Bắc Bộ; Cải lương Hương chính.

1. Mở đầu

Sau khi ký với triều đình Huế Hiệp ước Patenôtre (1884), thực dân Pháp đã chính thức đặt ách thống trị lên toàn lãnh thổ Việt Nam, đồng thời thi hành nhiều chính sách cai trị trên tất cả các lĩnh vực, một trong những chính sách đó là tăng cường việc kiểm soát chặt chẽ bộ máy cai trị từ trung ương xuống địa phương, cấp thấp nhất là làng xã. Trong khi đó, sang đầu thế kỷ XX do ảnh hưởng của cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta ngày càng lan rộng đến nông thôn, có tác động không nhỏ đến chính sách, đường lối cai trị của chính quyền thực dân Pháp đối với cấp cơ sở làng xã. Do vậy, với mong muốn kiểm soát chặt chẽ nông thôn, tách nông dân và nông thôn ra khỏi môi trường cách mạng, chính quyền Pháp đã thi hành chính sách cải tổ lại tổ chức làng xã thông qua việc thi hành các cuộc Cải lương Hương chính ở cả ba miền đất nước, trong đó Bắc Kỳ là

nơi diễn ra mạnh mẽ nhất. Các cuộc Cải lương Hương chính này không chỉ có tác động đến đời sống chính trị mà còn tạo ra những thay đổi quan trọng trong đời sống sinh hoạt xã hội của cư dân làng xã thông qua những quy định và sự quản lý chặt chẽ của Hương ước với các tổ chức xã hội mà chủ yếu là Giáp, hội Tư văn, hội Lão. Hương ước trong làng xã đồng bằng Bắc Bộ nửa đầu thế kỷ XX quy định cụ thể, quyền lợi và vai trò của các tổ chức xã hội này, đặc biệt là vai trò đối với đời sống sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, có sự tiếp tục kế thừa từ xã hội cổ truyền, nhưng cũng có sự can thiệp của chính quyền thực

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0982195149. Email: vuduymienhn@yahoo.com

(**) Thạc sĩ, Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0976897199. Email: trinhha3012@gmail.com. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài: *Hương ước trong việc quản lý làng xã đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam với hương trị của Đài Loan (Trung Quốc) cuối thế kỷ XIX nửa đầu thế kỷ XX*, mã số IV.1 - 2013.05.

dân trong việc lòng ghép những chức năng mới.

2. Quy định của hương ước về đối tượng tham gia các tổ chức xã hội

Giáp là một tổ chức xã hội trong làng xã cổ truyền. Các nhà nghiên cứu đều khá thống nhất với nhau khi đưa ra một khái luận chung về Giáp, theo đó: Giáp là một tập hợp người theo lớp tuổi, bao gồm các đình nam sau khi lọt lòng đã làm lễ vọng Giáp đến cụ ông cao tuổi nhất, là tổ chức chỉ dành cho nam giới ở trong làng, không có phụ nữ tham gia, và mang tính kế thừa: “Phàm là con trai thì bố ở Giáp nào lại vào Giáp ấy” [13, tr.28]. Lệ vào Giáp vẫn đảm bảo nguyên tắc: ai vào Giáp trước ngồi trên, ai vào Giáp sau ngồi dưới. Để được vào Giáp, Hương ước quy định các trai đình từ 16 đến 18 tuổi phải đóng tiền hương ẩm, mỗi tuổi là 1 quan tiền cổ. Tuy nhiên theo quy định của *Hương ước làng Cổ Trai* (Thái Bình) soạn năm 1942 thì nam đình ngay từ khi mới sinh ra đã phải “nộp mười lăm xu, ba chục giầu để vào Giáp” [3, tr.16].

Hội Tư văn là một tổ chức xã hội có vai trò rất quan trọng trong đời sống sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của làng xã cổ truyền Việt Nam, ra đời trên cơ sở nền giáo dục Nho học mở rộng, phát triển xuống cấp làng xã đã lôi cuốn nhiều người học chữ Nho tập hợp lại với nhau. Hoạt động chủ yếu của hội Tư văn là thực hiện nghi lễ đề cao các bậc Thánh hiền (Khổng Tử và 72 học trò thành đạt của Ngài), cùng những bậc tiên hiền đỗ đạt của làng quê. “Hội Tư văn là để tôn giáo Đức Thánh Khổng. Một cầu phúc là để kỷ niệm Đức Thánh Trần Hưng Đạo,

hội đàn Thiên để kỷ niệm Đức Thánh Quan công” [23, tr.17].

Hương ước quy định rất cụ thể điều kiện gia nhập hội Tư văn, theo đó người gia nhập hội phải là người có học, biết chữ, đồng thời phải có phẩm chất, đạo đức trong sạch, không có tiếng bất hảo. Tuy nhiên, sự can thiệp ngày càng sâu rộng của chính quyền thực dân Pháp đã khiến cho yếu tố nho học ngày càng suy yếu, đối tượng và điều kiện gia nhập vào hội Tư văn qua hương ước đã mở rộng hơn, gồm cả những người theo lối Tây học, thậm chí có làng cho cả người dân thường, người từng đi lính và con cháu của họ được vọng tiền, sửa biện mâm rượu để gia nhập vào hội. *Hương ước làng Đại Tài* (Bắc Ninh) soạn năm 1941 quy định: “Những người đi lính mà dân cắt ra, mãn hạn 5 năm trở về cũng được dự vào ngôi Tư văn xã thôn, cách chõng tiền và sửa rượu cũng theo như người đỗ bằng sơ học yếu lược. Người nào có xã thôn rồi thì cho con người lính ấy người nhà người ấy một ngôi Tư văn xã thôn, để tỏ lòng người lính có công khó nhọc” [4, tr.14]. Khi mới gia nhập Tư văn, muốn trở thành thành viên chính thức, người đó phải chuẩn bị một lễ vọng bàn Tư văn, lễ vật tùy theo phong tục mỗi làng, như làng Tam Tảo (Bắc Ninh) quy định lễ vọng gồm: 1 coi giầu, 10 quả cau, 1 mâm xôi, 1 gà sống, 1 chai rượu, 1 số tiền là 11 đồng... Đây thực chất là hình thức bán chân ngôi trong hội Tư văn nhằm lấy tiền để giải quyết các việc công ích của làng.

Hội Lão cũng là một tổ chức xã hội tự nguyện trong làng xã được biết đến với vai trò của Hội đồng kỳ lão (Hương lão), gồm các bậc cao niên trong làng nhóm

hợp lại với nhau do một người đứng đầu gọi là Trưởng lão (hoặc Trùm lão) nhằm giúp đỡ nhau khi có việc.

Độ tuổi vào hội Lão tùy theo quy định của mỗi làng, trung bình từ 45 đến 60 tuổi, khi vào hội người lão phải làm vọng lão, chủ yếu nộp tiền hoặc sửa soạn mâm lễ vật. Theo quy định của làng Cự Trình (Bắc Ninh), người vọng lão phải chuẩn bị: 1 con lợn 50 cân, xôi 40 cân, rượu 4 chai, 1 buồng cau 50 quả, chuối 80 quả. Việc đóng tiền hay biện lễ vật là điều kiện bắt buộc, nếu không đóng thì sẽ không được vào, không có vị thứ trong chốn đình trung.

Khi vào sinh hoạt trong hội Lão, thành viên hội Lão được phân hạng theo lứa tuổi: 60, 70, 80, 90, 100. Ai lên hạng tuổi nào (một số làng Vĩnh Phúc gọi là lệ lên lèn) cũng phải vọng theo hạng tuổi đó. Theo quy định của Hương ước làng Tam Tảo thì vào hạng trung thọ (60 - 70) và thượng thọ (70 - 90) phải vọng bàn Hương lão một coi giàu 10 quả cau, 1 chai rượu, 1 cân xôi, 1 gà sống; còn vọng 90 - 100 chỉ cần soạn một coi giàu 10 quả cau, miễn xôi, gà, tiền. Như vậy, tuổi càng cao thì số tiền vọng càng ít đi và nghĩa vụ đối với làng xã nhà nước cũng được giảm bớt bởi khi vào ban Hương lão, sẽ được miễn trừ việc đắp đê đường, trên 61 tuổi được trừ tạp dịch và giảm sưu thuế. Việc miễn lệ vọng ngân đối với các cụ già được giải thích bởi lý do rất nhân văn: “Hạng lão từ 70 tuổi trở lên, sự hy vọng ở trên đời thì ít, chỉ trông mong vào con cháu thì nhiều, nếu cứ sống thêm một tuần lại mất tiền thêm một món, thì trước là trái với nghĩa thượng xỉ, sau nữa người

ta khó theo, vậy lệ vọng tiền nên trước miễn hẳn” [16, tr.16].

Như vậy, đối tượng gia nhập vào Giáp, hội Tư văn, hội Lão đều là các nam đình trong một làng xã. Tuy nhiên, do đặc thù riêng của mỗi tổ chức xã hội mà đối tượng tham gia cũng khác nhau, trong đó nếu Giáp là một tổ chức tập hợp theo giới, được phân bậc theo lớp tuổi, hội Tư văn gồm những người có học, chức sắc, có phẩm chất đức hạnh, thì hội Lão dành cho các bậc cao niên trong làng.

3. Quy định của Hương ước về cơ cấu tổ chức, quyền lợi của các thành viên thuộc tổ chức xã hội

Vì Giáp là một tổ chức không phân biệt nơi cư trú theo xóm ngõ trong làng, do vậy tùy theo quy mô, phạm vi cương vực của từng làng mà phân chia đơn vị Giáp nhiều ít khác nhau, chủ yếu mỗi làng gồm từ 2 Giáp trở lên, một số làng có 8, 9 Giáp, thậm chí làng Hạ Bái (huyện Duyên Hà, Thái Bình) có tới 23 Giáp [16].

Đứng đầu tổ chức Giáp là một viên Trưởng giáp, một số làng gọi là Trưởng lèn, Giáp chỉ, hay Trùm giáp. Ngôi Trưởng giáp được bổ từ thành viên trong Giáp, thường được kế tiếp bởi viên thứ nhì của hàng Giáp: “Mỗi Giáp đặt ra một người Trùm giáp để tùy tòng với viên Hương trưởng... viên này do cử ở những viên thứ nhì ra, ai hơn tuổi lên trước” [4, tr.13]. Như vậy, ngôi Trưởng giáp được luân bổ theo thứ tự trên trước, dưới sau, ai vào vị trí hương ẩm trước mà ngôi bàn trên sẽ được bổ ngôi Trưởng giáp trước. Độ tuổi đề cử, hoặc ứng cử vào ngôi Trưởng giáp dưới 55 tuổi, thời gian giữ ngôi Trưởng giáp từ 2 - 4 năm. Khi nhận ngôi, tân Trưởng giáp phải chuẩn bị một

lễ nhỏ để khao mọi người và chức dịch trong Giáp, nhỏ gồm trầu cau, lớn phải làm mâm cỗ mặn, như quy định của làng Cao Mỗ (Thái Bình), viên Trưởng giáp phải làm rượu đãi 10 bàn trở lên để mời sắc dịch trong Giáp.

Hương ước một số làng quy định đặt ngôi thứ nhì để tùy tùng, giúp việc cho viên Trưởng giáp, số lượng gồm 1 hoặc 2 viên tùy theo quy định mỗi làng. Việc đặt ngôi thứ nhì cũng theo nguyên tắc “lần lượt ai đến tuổi phải lên”, người được cử lên ngôi thứ nhì phải đóng một số tiền cụ thể, tùy theo địa vị hương âm trong làng có mức đóng khác nhau. Theo quy định của làng Đại Tài (Bắc Ninh) “nếu là người chức dịch đến tuổi cử lên làm thứ nhì, phải chồng dân 5 đồng bạc, người Tư văn xã thôn phải chồng 10 đồng, vọng 3 đồng, người bạch đình phải chồng dân 15 đồng và vọng 6 đồng” [4, tr. 13 - 14].

Khi đã lên ngôi Trưởng giáp và thứ nhì, họ sẽ được miễn trừ phu dịch, tạp dịch, riêng ngôi Trưởng giáp còn được hưởng phần biểu từ lệ cheo cưới. Theo quy định trong Hương ước thôn Cự Trình (Bắc Ninh) thì gia đình giáp đình có con gái lấy chồng, phải sắm biện lễ vật để biểu các vị chức sắc trong làng, Giáp. Theo đó vị Trưởng giáp được nhận một phần cheo nội là: 400 viên gạch lục và 100 khẩu cau bồ; cheo ngoại là 200 gạch, 2 chai rượu, 1 buồng cau độ 100 quả, tiền giàu.

So với Giáp, về mặt hình thức hội Tư văn không chia lễ như Giáp, bởi một làng một xã có thể gồm nhiều Giáp nhưng chỉ có duy nhất một hội Tư văn. Do đó tổ chức nhân sự của hội Tư văn gọn nhẹ, đơn giản hơn Giáp. Đứng đầu hội Tư văn là

một viên Hội trưởng (hoặc Trưởng văn, Trùm Tư văn) do hội bầu chọn. Điều kiện giữ ngôi Hội trưởng Tư văn được phản ánh qua Hương ước trong thế kỷ XX không mấy thay đổi, khi các làng vẫn đề cao yếu tố đầu tiên là phải am hiểu chữ Nho (sau này gồm cả người theo lối Tây học), có chân khoa mục rồi mới đến các đối tượng khác. Thời gian giữ ngôi Trưởng hội từ 1 - 4 năm, khi giữ ngôi Trưởng hội họ được miễn đi canh tuần, miễn một nửa phu dịch, tạp dịch và nhận một phần lệ biểu vào các kỳ tiết lễ, sóc vọng của làng. Trách nhiệm của ngôi Hội trưởng là điều khiển các hoạt động của hội, trong đó có nhiệm vụ cắt đặt thành viên trong hội luân phiên cày cấy phần ruộng hoặc nuôi lợn để lấy hoa lợi biện lễ đệ niên, tế Tiên thánh ở Văn chỉ.

Hỗ trợ cho Trưởng văn gồm hai chức Điền văn và Tả văn, đều lấy từ những người có văn học chuyên viết văn tế cho dân vào các dịp tiết lễ của làng. Trong đó, Điền văn là chức chuyên lo các công việc hành chính của hội gồm cả viết văn tế. Chức Tả văn chỉ được hội Tư văn giao viết văn tế trong một số kỳ tiết lễ nhất định, khi chức Điền văn bận rộn nhiều việc, hoặc làng không có chức Điền văn, do đó có làng cho đặt cả hai, nhưng một số làng chỉ đặt một trong hai chức này. Cả Điền văn và Tả văn đều được lấy từ những người có khoa trường, hoặc có phẩm hàm văn giai, võ giai, khi làng không có những đối tượng này thì dân sẽ giao cho người có chức tước cao nhất của làng, gồm Lý trưởng hoặc Tiên chỉ. “Người viết văn phải chọn khoa mục Cử nhân Tú tài trở lên, kể đến khóa sinh nhất

nhị trưởng, tiếp đến Chánh phó tổng, Chánh phó lý. Tất cả phải là những người có văn phong sáng sủa” [25, tr.271].

Thành viên trong hội Lão là những người cao tuổi, trong đó lại gồm cả những người đã từng đỗ đạt làm quan, hiểu biết Nho học, có kinh nghiệm trong cuộc sống do vậy họ rất được trọng vọng. Vào các dịp lễ hội, tế lễ của làng họ được ưu tiên dự bàn trên trong vị thứ đình trung và hương ẩm (bàn 1 đối với các làng có truyền thống trọng xỉ - trọng tuổi tác) bàn 2 chỉ sau bàn của người đỗ đạt (đối với làng có truyền thống trọng tước - trọng chức tước). Tập quán trọng lão qua hương ước còn được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Ở một số làng của Nam Định, Thái Bình, hương ước quy định trích một phần ruộng đất công làng xã để làm cỗ yến cho các cụ lên lão (ruộng yến lão), hoặc khi các cụ bước vào tuổi thượng thọ (độ tuổi 60, 70), thượng thượng thọ (80, 90 tuổi), làng trích tiền quỹ để mua tặng các cụ mũ, áo vóc, gấm. Hương ước làng Tử Vi (Bắc Ninh) còn cho biết làng có một cái “sập xỉ”, cái sập này chỉ dành cho những ai nhiều tuổi nhất trong làng mới được ngồi. Tuy nhiên, để được ngồi trên sập, viên Hương lão phải sửa lễ để vọng dân trong làng gồm: 100 phẩm oản, 200 quả chuối, 200 khẩu gạo, 2 chai rượu, và sau đó phải mua thứ gì đáng giá 10 đồng bạc để cung tiến dân. Rõ ràng khi trở thành thành viên của hội Lão là họ có được sự kính trọng của nhân dân, sự kính trọng đó không chỉ về mặt tinh thần mà còn thể hiện qua những ưu đãi vật chất mà dân làng dành cho họ.

4. Quy định của hương ước về vai trò của các tổ chức xã hội

4.1. Hoạt động lễ nghi, hội hè đình đám

Lễ hội là một sinh hoạt không thể thiếu trong đời sống tinh thần của cư dân làng xã Việt Nam, được tổ chức quanh năm, trong đó nhiều nhất là mùa xuân tháng giêng, hai, ba (đó là thời điểm nông nhàn lại ngay sau dịp Tết Nguyên đán). Một lễ hội ở đồng bằng Bắc Bộ gồm 2 phần: lễ và hội. Phần lễ là các nghi thức thờ cúng, tế lễ mang đậm dấu ấn Nho giáo và màu sắc tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, nhằm tỏ lòng thành kính, biết ơn đối với những người có công lập làng, đánh giặc (các vị nhân thần), các vị Tiên hiền để cầu cho mọi sự an lành, mùa màng được phong đăng hòa cốc. Theo quy định của hương ước, Giáp, hội Tư văn, hội Lão sẽ đảm trách chủ trì các tiết lễ này, tuy nhiên mức độ chủ trì nhiều hay ít tiết lễ lại phụ thuộc quy định của mỗi làng. Chẳng hạn theo quy định của làng Đào Lang (Nam Định), một năm làng có 8 kỳ tiết lễ, trong đó 5 tiết lễ được bỏ về 8 Giáp còn 3 tiết lễ: Kỳ phúc (tháng 2), Thượng điền (tháng 7) và Tế mã (tháng 12) do cả Giáp đứng ra tổ chức. Riêng kỳ tế Xuân - Thu thờ Đức Khổng Tử cùng các bậc tiên hiền do hội Tư văn đứng ra điều hành nghi lễ.

Việc tế lễ là sinh hoạt tín ngưỡng rất quan trọng đối với thành viên trong làng xã, do vậy công việc chuẩn bị cho kỳ tế lễ được các làng rất coi trọng để cho sự tế lễ diễn ra long trọng, đặc biệt là việc sửa biện lễ vật. Việc sắm lễ của Giáp chủ yếu lấy từ hoa lợi phần ruộng công của làng giao cho các Giáp cày cấy, hoặc trích từ

tiền công quỹ của Giáp do các thành viên trong Giáp thay phiên nhau đảm trách. Nhưng vào kỳ lễ đặc biệt quan trọng của năm như đêm 30 tết Nguyên đán hoặc Tết Thượng Nguyên... viên Trưởng giáp phải trực tiếp sửa biện lễ vật, hoặc phải có trách nhiệm kiểm tra các mâm lễ sao cho những lễ vật đem làm đồ tế phải luôn sạch sẽ, tinh khiết: “Vào kỳ tế, thôn Giáp nào sửa lễ thì người Trưởng giáp phải trông coi cho được tinh khiết, nếu sơ suất thì phải phạt từ 2 hào đến 5 hào” [14, tr.34].

Trong buổi tế lễ, vị Chủ tế có vai trò rất quan trọng trong việc dẫn dắt buổi hành lễ diễn ra trang trọng, do đó ngôi Chủ tế được các làng lựa chọn kỹ lưỡng: phải là người có chức sắc phẩm hàm hơn nhất, hoặc là Chánh Phó hội, Chánh Phó lý tân cựu, Tiên chỉ. Tuy nhiên, nếu làng không có các hạng người này thì Trưởng giáp sẽ làm Chủ tế. “Quyền Chủ tế sẽ giao cho người Trưởng giáp đương thứ được tế văn” [2, tr.14], có độ tuổi từ 50 trở lên. Khi được giao nhiệm vụ, Chủ tế đến ngày lễ không được vắng mặt, nếu cáo vắng phải có giấy cáo trước với Hương hội hoặc khi tiến hành nghi thức tế lễ. Chủ tế phải có thái độ trang nghiêm, mũ áo chỉnh tề, nếu không sẽ bị phạt tiền.

Hội Tư văn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống tâm linh của làng xã Việt Nam, điều hành nghi lễ các tiết lễ liên quan đến Nho giáo, chủ yếu nhất là hoạt động tế lễ thờ Đức Khổng Tử cùng các bậc tiên hiền (tế Xuân - Thu). Thông thường kỳ tế Xuân Thu được tổ chức vào tháng 2 và tháng 8 hàng năm, diễn ra tại Văn chỉ của làng nhằm tôn vinh, ca ngợi những người đỗ đạt theo nghiệp sách

Thánh hiền. Một số làng gọi đây là hội Tước sĩ (làng Đại Tài). Nhưng thực tế một số làng tiết Xuân - Thu tổ chức vào ngày chính đình (tức 15 tháng 2 và 15 tháng 9) như làng Yên Lãng (Bắc Ninh), hoặc vào ngày 19 tháng 9 như xã Liên Xương (Bắc Giang), vào ngày 22 tháng 9 như xã Cung Nhượng (Bắc Ninh). Trong kỳ tiết lễ, viên Trưởng hội đứng ra cắt đặt nhiệm vụ cho thành viên của hội phục vụ tế lễ, gồm người sắm lễ, người giữ vai trò Chủ tế, Bồi tế... Trong đó Trùm Tư văn hoặc bất cứ thành viên nào của hội đều có thể giữ chức Chủ tế, quan trọng người đó phải là người hiểu chữ nghĩa, có hiếu hạnh, phu phụ (chồng vợ) song toàn, không vương bụi (không có đại tang). “Người ứng tế phải chọn chức dịch đức thanh cao, am hiểu lễ nghĩa. Người đọc chúc phải thông văn tự” [25, tr.273].

Buổi tế lễ Đức Thánh hiền thực chất cũng là một buổi lễ hội, là thời gian để thành viên trong làng bày tỏ lòng thành kính của mình tới những bậc tiên hiền của làng do hội Tư văn đứng ra hành lễ. Do đó hương ước quy định bắt buộc tất cả những người đã có chân trong hội đều phải tham gia dự tế, mũ áo chỉnh tề, “nếu người nào xem thường cho qua sẽ bắt phạt gà rượu trị giá 3 mạch” [21, tr.154].

4.2. Các tổ chức xã hội với việc tang ma, cưới xin

Theo tục lệ của làng xã đồng bằng Bắc Bộ, khi gia đình ai đó trong làng có người chết ngoài thủ tục phải tường trình cho chức dịch hàng xã gồm Hương hội, Lý dịch biết để kê khai sổ tử, ngày đưa tang, tang chủ phải nộp một số tiền gọi là “lệ

tang” cho làng, thông thường lệ ấy được chia thành 3 hoặc 4 hạng, thậm chí 9 hạng như làng Quần Phương Đông (Nam Định) [7], mỗi hạng một mức tiền cụ thể để làng phân bổ người đi tống táng, đô tùy, trống cờ phù hợp. Tuy nhiên, nhiều hương ước quy định việc “tống tử” thuộc về trách nhiệm của Giáp, do đó bắt buộc tất cả các thành viên trong Giáp đủ 18 tuổi trở lên phải đi hộ táng, nếu không đi sẽ phải nộp tiền phạt sung vào quỹ Giáp (như làng Cao Mỗ bắt phạt 2 hào). Để mời Giáp đứng ra lo việc hậu sự, gia đình tang chủ phải có lời mời kèm lễ vật (gồm trầu, cau) dâng lên Giáp, đóng tiền lệ táng để Giáp cắt đặt đồ nghi, người đi tống táng, mức đóng lệ tang cao hay thấp tùy gia đình tang chủ lựa chọn. Theo quy định của *Hương ước làng Vân Quán* (Phúc Yên) soạn năm 1925, hạng thượng lệ nộp 15 đồng: 4 người chấp hiệu (được cắt ba bàn tử Giáp) 64 người đô tùy (cắt vào Giáp, từ 18 tuổi đến 30 tuổi, được đi đòn đại dư, 1 cỗ linh xa, 1 cái án tiểu, 1 cái minh sinh, 1 chiêng, 1 trống cái); hạng trung lệ nộp 10 đồng, có 1 người chấp hiệu 24 người đô tùy, đi đưa một cỗ tiểu dư, 1 cái linh, 1 cái minh sinh; hạng hạ lệ nộp 5 đồng, có 1 người chấp hiệu 16 người đô tùy, còn tang nghi cũng như hạng trung [18, tr.15]. Quy định như vậy, nhưng thực tế việc áp dụng trong một số làng rất linh hoạt khi Hương ước cho miễn trừ việc đóng lệ tang đối với gia đình hiếu chủ có gia cảnh khó khăn, thậm chí những gia đình này sẽ được Giáp giúp đỡ cả về vật chất lẫn tinh thần. “Hàng Giáp sẽ trích tiền công của Giáp ba đồng, khi mời Giáp đi đưa chỉ

cần gia chủ biện giàu nước thôi”. Song nếu gia đình tang chủ giấu Giáp, giấu làng không trình báo thì sẽ bị phạt: “Bị khoán nặng mà không được ba đồng bạc giúp đỡ nữa” [5, tr.14].

Đối với việc hiếu trong làng, hội Tư văn, hội Lão cũng có vai trò rất quan trọng về mặt tinh thần trong việc giám sát các lễ thức diễn ra theo đúng tập quán truyền thống coi trọng tước xỉ của làng. Thậm chí, việc mời Tư văn trợ tế, mời ban Hương lão tham dự khi cha mẹ mất còn thể hiện lòng báo hiếu của người con như ghi nhận của *Tục lệ thôn Uy Nghi xã Đồng Xá* (Hưng Yên): “Trong thôn, nhà nào có bố hoặc mẹ bị mất thì trước hết phải tường trình lên người giữ trước bạ. Người nào muốn báo ân phải mời các bậc Kỳ lão chức dịch trong thôn cắt cử mọi người đưa tiền” [25, tr.268]. Song gia đình tang chủ cũng phải biện sửa lễ vật một cách cẩn trọng: “Trong thôn nhà nào có cha hoặc mẹ bị mất muốn báo ân mà mời Tư văn đến trợ lễ thì phải sắm sửa một con lợn 20 cân lược chín (không kể nội tân), xôi 20 cân, trầu cau 100 miếng, rượu 3 chai, cơm rau đủ dùng” [25, tr.267].

Đối với việc cưới xin, thành viên của Giáp, hội Tư văn, hội Lão sẽ cùng với bậc chức sắc trong làng bàn định, chủ yếu là việc thu tiền cheo cưới. Điều 5 *Khoán lệ giáp Tây thôn Thục Cầu* (xã Thục Cầu tổng Đồng Xá huyện Văn Lâm, Hưng Yên) lập năm Duy Tân 9 (1915) quy định: “Người nào trong Giáp có con gái lấy chồng ngoài làng bản Giáp quy định thu lan giai 1 kiện mâm đồng nặng 3 kén,

người nào lấy chồng trong làng thì thu tiền lan giai 5 hào” [25, tr.197].

4.3. Một số vai trò khác của các tổ chức xã hội

Ngoài hai vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội, văn hóa tín ngưỡng trong làng xã, Giáp, hội Tư văn, hội Lão còn có vai trò riêng.

- Trong việc thu thuế, quân cấp ruộng đất cho thành viên trong Giáp

Từ sau cuộc Cải lương Hương chính, vai trò thay đổi lớn nhất của Giáp chính là ở chỗ, Giáp bị lôi cuốn vào việc thu thuế của các thành viên trong Giáp (vốn thuế là nhiệm vụ của Lý trưởng và Phó lý). Hương ước làng Mộ Trạch (Hải Dương), làng Hạ Bái, Thuyền Quan (Thái Bình), làng Khương Thượng (Hà Nội), làng Ý La (Hà Đông)... đều cho biết, việc thu sưu thuế trong làng chủ yếu do Lý trưởng đảm trách, nhưng khi về làng Lý trưởng lại phân bổ về cho các Thôn, Giáp. Giáp trưởng có trách nhiệm kê khai số đinh, rồi căn cứ vào mức đóng của từng hộ đinh trong Giáp để biên thu, nộp lại cho Lý trưởng để Lý trưởng đệ nộp lên trên. *Hương ước làng Ý La* (Hà Đông) soạn năm 1915 quy định: “sau khi Lý trưởng lĩnh bài chỉ về thời phải thông báo cho Hội đồng Tộc biểu, các Giáp, Trưởng gia đình chiếu bổ cho đúng số... Giáp nào đinh số bao nhiêu Giáp trưởng phải kê khai để đồng dân chiếu tính cho minh bạch” [18, tr.533]. Nếu Giáp đình nào nộp thuế không đủ, hoặc không đủ khả năng nộp hết suất thuế, thì Lý trưởng sẽ bắt phạt Giáp đó trong việc trích tiền công quỹ của Giáp để đền bồi phần thuế thiếu.

Trong kỳ thu thuế, chỉ có Lý trưởng mới được nhận phụ cấp, với mức 0,05

đồng (làng Hạ Bái). Còn viên Trưởng giáp tham gia thu hộ thì không được phụ cấp gì. Tuy nhiên, *Hương ước làng Hạ Bái* cho biết Lý trưởng trích một phần phụ cấp của mình để trả công cho viên Trưởng giáp, mỗi suất mẫu 0,01 đồng. Như vậy, tuy rất ít hương ước quy định trách nhiệm của Giáp trong việc thu thuế nhưng qua đó đã thể hiện phần nào chính sách ràng buộc và muốn can thiệp sâu của chính quyền thực dân tới đời sống của cộng đồng làng xã. Việc phân bổ trách nhiệm thu thuế của các Giáp đình đã từng bước làm cho Trưởng giáp dần trở thành trợ thủ đắc lực cho Lý trưởng.

Ngoài ra, Giáp còn thực hiện trách nhiệm quân cấp công điền cho Giáp đình, cắt đặt thành viên trong Giáp luân phiên đi tuần canh trong làng, đây vốn là trách nhiệm của ban chức dịch hương lý làng, xã. Theo quy định *Hương ước* của làng Nhật Tân (Hà Nội), Quần Liêu (Nam Định) trên cơ sở xác định cụ thể số đinh được nhận phần quân cấp, Trưởng giáp nhận phần đất hoặc tham gia gấp thăm để lấy phần đất đem về chia cho các thành viên: “Nguyên tục lệ của làng ta chia làm 36 phần trong dân, chia làm 7 Giáp, tùy Giáp nhón nhỏ nhận phần nhiều hay ít, có Giáp nhận 7 phần, có Giáp nhận 5 phần, có Giáp nhận 3 phần, có Giáp nhận 2 phần” [10, tr.23].

- Trong thiết chế chính trị của làng

Trong đời sống chính trị, văn hóa xã hội của làng xã, thành viên của Giáp, hội Tư văn, hội Lão cũng có vai trò rất quan trọng khi cùng ban chức dịch, Hương lý tham gia cầm trịch việc hội họp đình trung, hương ẩm để bàn bạc, đưa ra các quyết định về công việc quan trọng của

làng, chủ yếu là việc kiến trúc (xây dựng, sửa chữa các công trình đền, chùa, miếu, đường sá, cầu cống), cũng như tham gia vào việc khuyến học ở làng. Thậm chí, thành viên hội Tư văn còn tham gia vào bộ máy quản lý làng xã, giữ chức Xã trưởng (Lý trưởng), Khán thủ, Trương tuần nhưng phải đóng một khoản tiền nhất định cho làng, đồng thời chuẩn bị một lễ vọng (gồm lợn, xôi, rượu, trầu) để vọng trong hội. *Tục lệ thôn An Xá*, xã Giai Phạm, huyện Văn Giang, Hưng Yên, lập năm Khải Định thứ 4 (1919) quy định: “Trong hội Tư văn có người nào làm Xã trưởng thì phải nộp cho bản thôn 13 quan tiền, lễ vọng 1 con lợn, 1 mâm xôi, 1 chai rượu, 50 miếng trầu nhỏ” [25, tr.94].

Như vậy qua hương ước có thể thấy, Giáp, hội Tư văn, hội Lão có vai trò rất quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của cộng đồng dân cư làng xã đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam, chủ yếu vẫn là việc “phù sinh tổng tử”, đứng ra đăng cai các lễ tiết chính trong năm như lễ giao thừa đón năm mới, lễ Nguyên tiêu, Kỳ phúc, lễ Hạ điền, Thượng điền, Thường tân (cơm mới), mừng thọ, giỗ hậu, kỳ tế Xuân - Thu...

5. Một vài nhận xét

Việc dẫn ra những điều quy định trên về các tổ chức xã hội của một số làng xã khu vực Bắc Bộ được ghi trong hương ước cho thấy: cho đến nửa đầu thế kỷ XX, trong kết cấu làng Việt, người nông dân đã hợp lại và có quan hệ với nhau trong nhiều tổ chức xã hội, tiêu biểu là tổ chức Giáp, hội Tư văn và hội Lão, để cùng gắn kết và thực hiện những nguyên tắc của cộng đồng nhằm đảm bảo thuần phong, mỹ tục của làng xã. Mỗi một tổ chức xã hội này lại có tiêu chuẩn xét nhận thành

viên, cơ cấu vận hành và vai trò riêng trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là trong đời sống văn hóa tâm linh, từ đó tạo nên tính đa dạng, sinh động nhưng khá phức tạp trong đời sống làng quê sau lũy tre làng.

Qua quy định của hương ước, Giáp vẫn là tổ chức xã hội tập hợp người theo lớp tuổi kết hợp có thể có quan hệ huyết thống của nam giới, tuy nhiên Giáp trong giai đoạn đó, đôi khi không chỉ là tập hợp người cùng huyết thống của một dòng họ, mà đã gồm đại diện của nhiều dòng tộc trong làng xã. Điều đó là khá phù hợp với mục đích khơi dậy sức sống và vai trò của quan hệ tộc họ ở làng xã trong việc tăng cường ảnh hưởng của chính quyền thực dân vào việc quản lý nông thôn. Vai trò của Giáp được hương ước phản ánh trên nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, hoạt động tín ngưỡng của làng xã: tham gia chủ trì các tiết lễ của làng, thực hiện trách nhiệm “phù sinh tổng tử”, thu thuế các Giáp đình, quân cấp công điền công thổ, canh phòng... So với làng xã truyền thống trước đây, vai trò của Giáp trong nửa đầu thế kỷ XX vừa có sự kế thừa, vừa có điểm khác biệt, biểu hiện cụ thể nhất là vai trò “phù sinh tổng tử”, thu thuế. Nếu trong xã hội trước đây, Giáp hoàn toàn chủ động việc thu chi lệ tang, tiền cheo cưới cho cả mọi thành viên trong làng, thì trong hương ước Cải lương, Giáp chỉ có trách nhiệm đối với thành viên trong Giáp, và chỉ tham gia khi có mệnh lệnh của ban Hương hội trong việc cất đặt đồ nghi tùy táng, người trợ táng theo “hạng tiền” người dân đã đóng góp cho làng. Bên cạnh đó, hương ước một số làng quy định khá cụ thể trách nhiệm của Giáp trong việc thay mặt Lý

trưởng kê khai nhân đinh trong Giáp, thu thuế thành viên Giáp rồi nộp cho Lý trưởng. Vai trò này vốn không phổ biến trong xã hội trước đây đã cho thấy chức dịch làng xã muốn lợi dụng khai thác triệt để Giáp trong việc kiểm soát chặt chẽ nhân đinh để không bỏ sót nguồn thu thuế nào cho chính quyền thực dân. Mặc dù chính quyền thực dân đã tác động ít nhiều đến cơ cấu, vai trò hoạt động của Giáp, nhưng qua Hương ước Cải lương chúng ta vẫn thấy có sự coi trọng nếp sống và tập quán sinh hoạt trong đời sống tâm linh khi Giáp vẫn giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức các tiết lễ của làng. Dù có điểm chung hay riêng, nhưng rõ ràng Giáp cùng với bộ máy làng xã, các tổ chức xã hội khác luôn thể hiện được vai trò duy trì sự tự quản, tự trị của làng xã, đảm bảo sự tồn tại bền vững của làng xã trước mọi biến cố xã hội.

Khác với Giáp, hội Tư văn, hội Lão lại là hai tổ chức xã hội tập hợp theo mục đích tự nguyện, trong đó hội Tư văn là một tổ chức xã hội được nhóm họp bởi các Nho sĩ, những người có học, biết chữ nhằm thực hiện các nghi thức tế lễ tại Văn từ đề cao Không Tử cùng các bậc tiên hiền nơi làng xã. Còn hội Lão (Hương lão), một tổ chức xã hội gồm các bậc cao niên trong làng, nhóm họp lại với nhau nhằm giúp đỡ nhau khi có việc. Mặc dù rất ít hương ước có điều khoản quy định cụ thể về hội Tư văn và hội Lão (chủ yếu hoạt động, vai trò của hội Tư văn, hội Lão được phản ánh qua các điều khoản liên quan đến mục *Lễ nghi* của làng), nhưng vai trò của hai tổ chức xã hội tự nguyện này đến đời sống làng quê vẫn được thể hiện rất cụ thể. Nếu hội Tư

văn có tác động sâu sắc đến đời sống tâm linh trong việc tuyên truyền và củng cố ý thức hệ Nho giáo, góp phần ổn định xã hội cấp cơ sở theo một trật tự nhất định, thì hoạt động vai trò của hội Lão lại giúp chúng ta nhận thức được giá trị tốt đẹp, nhân văn trong truyền thống trọng lão của dân tộc ta.

Tuy nhiên, cũng như quy định đối với Giáp, những quy định chặt chẽ về lệ vọng vào hội Tư văn, vọng Lão, lệ mua ngôi Tư văn, đặc biệt quy định về quyền lợi, vị thứ, bàn ngồi, chỗ ngồi của Tư văn, hội của các bậc lão, đã phần nào thể hiện một cách chân thực, sinh động về trật tự đẳng cấp trong xã hội phong kiến. Người có ngôi thứ cao không chỉ được mọi người kính nể, tôn trọng mà còn được hưởng những quyền lợi vật chất thiết thực. Chính vì vậy với tâm lý “một miếng giữa làng hơn một sàng xó bếp” đã ăn sâu vào nếp nghĩ của người dân khi họ thực sự rất coi trọng danh dự, địa vị của mình trong làng xã. Người ta coi trọng miếng ăn ở chôn đình trung không phải vì tham ăn uống mà là vì đẳng cấp xã hội, ngôi đình đồng nghĩa với sắp xếp trật tự xã hội của làng.

6. Kết luận

Giáp, hội Tư văn, hội Lão là những tổ chức xã hội riêng biệt nhưng xét về mối quan hệ xã hội lại có sự gắn kết với nhau, sự gắn kết đó thông qua vai trò trung gian là những quy định mang tính áp đặt của hương ước. Mặc dù các quy định đó có thể được nhìn nhận là tiến bộ hay lạc hậu nhưng đặt trong bối cảnh xã hội nửa đầu thế kỷ XX, các quy định của hương ước đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao trách nhiệm của các tổ chức xã hội đối với cộng đồng. Đây chính là chức năng quản

lý của hương ước, Thông qua việc đề ra các điều khoản quy định về đối tượng, điều kiện gia nhập, quy định về vai trò hoạt động của Giáp, hội Tư văn, hội Lão, nhất là điều khoản xử phạt khi thành viên của mỗi tổ chức xã hội này không thực hiện tốt chức trách của mình, hương ước đã thể hiện rất rõ vai trò quản lý xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] *Hương ước làng Ân Phú*, tổng Ân Phú, huyện Yên Phong, Bắc Ninh, soạn năm 1942, ký hiệu 419.
- [2] *Hương ước làng Cao Mỗ*, xã Cao Mỗ, phủ Tiên Hưng, Thái Bình, soạn năm 1936, ký hiệu 3176.
- [3] *Hương ước làng Cổ Trai*, tổng Duyên Hà, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình, soạn năm 1942, ký hiệu 2852.
- [4] *Hương ước làng Đại Tài*, tổng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, Bắc Ninh, soạn năm 1941, ký hiệu 402.
- [5] *Hương ước làng Đôn Nông*, tổng Canh Nông, huyện Duyên Hà, Thái Bình, soạn năm 1936, ký hiệu 2860.
- [6] *Hương ước làng Đỗ Quan*, tổng Duyên Hưng, huyện Nam Trực, Nam Định, soạn năm 1942, ký hiệu 2211.
- [7] *Hương ước làng Kim Thiều*, tổng Nghĩa Lập, phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh, soạn năm 1936, ký hiệu 382.
- [8] *Hương ước làng Khê Ngoại*, tổng Thạch Đà, phủ Yên Lãng, Phúc Yên, soạn năm 1942, ký hiệu 4925.
- [9] *Hương ước làng Nho Lâm*, tổng Tân An, phủ Tiền Hải, Thái Bình, soạn năm 1932, ký hiệu 3226.
- [10] *Hương ước làng Nhật Tân*, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông, soạn năm 1921, ký hiệu 566.
- [11] *Hương ước làng Phả Lại*, tổng Đào Viên, huyện Quế Dương, Bắc Ninh, soạn năm 1935, ký hiệu 348.
- [12] *Hương ước làng Quần Phương Đông*, tổng Quần Phương, huyện Hải Hậu, Nam Định, soạn năm 1938, ký hiệu 2066.
- [13] *Hương ước làng Tam Tảo*, tổng An Phú, huyện Yên Phong, Bắc Ninh, soạn năm 1941, ký hiệu 474.
- [14] *Hương ước làng Thượng Đồng*, tổng Thượng Đồng, Huyện Ý Yên, Nam Định, soạn năm 1942, ký hiệu 4615.
- [15] *Hương ước làng Vân Quán*, huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên, soạn năm 1925, ký hiệu 4921.
- [16] *Hương ước làng Vân Quán*, huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên, soạn năm 1941, ký hiệu 4938.
- [17] *Hương ước làng Vân Diêm*, tổng Hà Lỗ, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh, soạn năm 1942, ký hiệu 394.
- [18] *Hương ước làng Ý La*, tổng La Nội, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, lập năm 1915, ký hiệu 553.
- [19] *Hương ước làng Yên Lãng*, tổng Dũng Liệt, huyện Yên Phong, Bắc Ninh, soạn năm 1942, ký hiệu 441.
- [20] *Hương ước thôn Cự Trình*, xã Hội Phụ, tổng Hội Phụ, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh, soạn năm 1942, ký hiệu 375.
- [21] *Hương ước xã Đa Ngưu*, tổng Đa Ngưu, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, soạn năm 1942, ký hiệu 398.
- [22] *Hương ước xã Hạ Bái*, tổng Thượng Bái, huyện Duyên Hà, Thái Bình, soạn năm 1942, ký hiệu 2867.
- [23] *Hương ước xã Lịch Động*, tổng Đông Động, phủ Thái Ninh, Thái Bình, soạn năm 1936, ký hiệu 3094.
- [24] *Khoán lệ giáp Tây thôn Thực Cầu*, xã Thực Cầu, tổng Đồng Xá, huyện Văn Lâm, Hưng Yên, lập ngày 15 tháng 1 năm Duy Tân 9 (1915).
- [25] Nguyễn Tá Nhí (Chủ biên) (2013), *Hương ước cổ Hưng Yên*, Nxb Thời Đại, Hà Nội.

